

TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO

Paul Williams,
Anthony Tribe &
Alexander Wynne

TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO

Một giới thiệu toàn diện về
truyền thống Ấn Độ

Diệu Như dịch
Tuệ Thảo - Như Hiếu -
Thiện Chánh *hiệu đính*



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI OMEGA+

Phụ trách xuất bản: Trần Hoài Phương

Điều phối sản xuất: Hương Nguyễn

Biên tập viên: Duy Anh

Thiết kế bìa: Hoàng Duy Khánh

Trình bày: Vũ Lê Thư

Thư ký xuất bản: Giang Vũ



Dự án Phật Học Tinh Hoa Thế Giới tuyển chọn và dịch sang tiếng Việt các tác phẩm hàn lâm và cập nhật từ các chuyên gia Phật học hàng đầu của nhân loại tại các đại học tốt nhất thế giới như Oxford, Cambridge, Harvard, Columbia, Yale, Princeton, Chicago, Berkeley, Stanford... với mong muốn truyền tải tri thức Phật giáo đến đông đảo bạn đọc, đồng thời cung cấp tài liệu nghiên cứu Phật giáo, tôn giáo chuyên sâu.

ĐƠN VỊ HỢP TÁC TRUYỀN THÔNG



TRẠM ĐỌC

<https://www.facebook.com/tramdocvn>

website: <http://tramdocvn/>

Mục lục

Lời giới thiệu.....	7
Lời nói đầu.....	11
Lời cảm ơn.....	15
Chương 1 Lập trường về giáo lý của Đức Phật.....	16
Chương 2 Phật giáo chính thống: Tư tưởng căn bản của Đức Phật.....	62
Chương 3 Bản chất và nguồn gốc của Phật giáo Đại thừa	123
Chương 4 Một số trường phái tư tưởng Phật giáo chính thống	142
Chương 5 Triết lý Phật giáo Đại thừa	166
Chương 6 Đức Phật trong Phật giáo Đại thừa	205
Chương 7 Kim cương thừa – Phật giáo Mật tông ở Ấn Độ.....	235
Các tài liệu và website tham khảo.....	302
Một số câu hỏi dùng trong nghiên cứu và kiểm tra kiến thức.....	303
Hướng dẫn phát âm tiếng Phạn và Pāli	307
Bảng chú giải thuật ngữ Phật giáo	309
Tài liệu trích dẫn	319
Chú thích	361
Mục từ tra cứu.....	399

Lời giới thiệu

Dự án Phật Học Tinh Hoa Thế Giới do Pháp Cẩn khởi xướng và làm giám đốc, hiện có thêm ba giám đốc nữa là ni sư Huyền Tâm, sư cô Võ Nghiêm và bà Nguyễn Đoàn Kim Sơn, cùng Thượng Tọa Như Nhiên Thích Tánh Tuệ làm chủ tịch, chính thức ra mắt vào đầu năm 2022 với mục tiêu tuyển chọn và chuyển ngữ các ấn phẩm có tính hàn lâm và cập nhật từ các nhà nghiên cứu Phật học uy tín trên thế giới, những người đang nghiên cứu, giảng dạy tại các đại học hàng đầu trong lĩnh vực này như Oxford, Cambridge, Harvard, Columbia, Yale, Princeton, Chicago, Berkeley, Stanford... Chúng tôi kỳ vọng rằng với định hướng rõ ràng, tiêu chí chọn lựa tác phẩm chặt chẽ cùng quá trình dịch thuật – xuất bản cẩn trọng, các ấn phẩm trong Dự án sẽ góp phần phổ biến tri thức Phật giáo đến đông đảo độc giả đại chúng, đồng thời cung cấp nguồn tài liệu chuyên sâu phục vụ cho nghiên cứu Phật giáo nói riêng và tôn giáo nói chung.

Khi còn học cử nhân tại Florida, năm 2017, tôi (Pháp Cẩn) đã học môn Buddhist Philosophy (Triết học Phật giáo). Trong quá trình học, chúng tôi đã được giới thiệu để sử dụng cuốn sách *Tư tưởng Phật giáo – Một giới thiệu toàn diện về truyền thống Ấn Độ* làm giáo trình chính cùng một số sách và tài liệu khác. Ngay từ lúc đó, tôi đã hết sức yêu thích cuốn sách nên ấp ủ dự định dịch sang tiếng Việt. Về sau, khi thành lập Dự án Phật Học Tinh Hoa Thế Giới, cuốn sách *Tư tưởng Phật giáo – Một giới thiệu toàn diện về truyền thống Ấn Độ* rất phù hợp với các tiêu chí về tính hàn lâm và tính cập nhật của Dự án, vậy nên chúng tôi đã đưa cuốn sách vào danh mục hơn 300 cuốn Dự án sẽ dịch và giới thiệu cuốn sách này đến Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam (Omega Plus) - một đơn vị đã khẳng định vị thế của mình trong việc xuất bản sách tri thức nền tảng ở Việt Nam và là đối tác quan trọng của chúng tôi. Thật vui là cuốn sách cũng đáp ứng được các tiêu chí về xuất bản tri thức nền tảng trong lĩnh vực Phật học của Omega Plus, nên giờ đây dự định đó đã thành hiện thực.

Về chủ đề tư tưởng Phật giáo Ấn Độ, đến nay ở Việt Nam đã có một số ấn phẩm được dịch và ấn hành. Chẳng hạn, cuốn *Tư tưởng Phật giáo Ấn Độ* do Hạnh Viên chuyển ngữ sang tiếng Việt, được viết từ năm 1962, bởi Edward Conze, một nhà nghiên cứu Phật học uy tín của châu Âu giữa thế kỷ 20. Ông có bằng tiến sĩ ở Köln, Đức và từng giảng dạy ở Đại học Oxford. Cuốn thứ hai phải kể đến là *Lịch sử tư tưởng Phật giáo Ấn Độ* được nhân vật lỗi lạc về nghiên cứu Phật học Trung Hoa

là Hòa thượng Ấn Thuận viết năm 1988, Thượng tọa Thích Hạnh Bình dịch. Cả hai cuốn sách đều là những tài liệu quan trọng, kinh điển, tuy nhiên việc xuất bản cách đây khá xa (cuốn trước hơn 60 năm và cuốn sau khoảng 40 năm) khiến các cuốn sách thiếu đi tính cập nhật. Không thể phủ nhận giá trị của các ấn phẩm trên cũng như đóng góp của các dịch giả trong việc bổ sung nguồn tài liệu tham khảo cho giới nghiên cứu trong nước cùng độc giả quan tâm; tuy nhiên, trong quãng thời gian hơn một phần ba thế kỷ qua đã có không ít những nghiên cứu mới, khám phá mới về chủ đề tư tưởng Phật giáo Ấn Độ.

Kế tục mạch dịch thuật và xuất bản đó, chúng tôi giới thiệu cuốn sách *Tư tưởng Phật giáo: Một giới thiệu toàn diện về truyền thống Ấn Độ* với mục đích tiếp tục cập nhật các thành tựu nghiên cứu mới về chủ đề này. Ba tác giả của cuốn sách, Paul Williams, Anthony Tribe và Alexander Wynne, là những tiến sĩ nghiên cứu chuyên sâu về Phật học của Đại học Oxford, họ đều là những nhà nghiên cứu uy tín, được nhiều trường đại học lớn mời thỉnh giảng về chủ đề này. Cuốn sách xuất bản lần đầu năm 2000 và đến nay đã được chỉnh sửa, cập nhật qua lần tái bản gần nhất năm 2012.

Xét về chủ đề, cuốn sách cũng có thể xếp vào mảng Triết học Phật giáo, Phật giáo Ấn Độ hay Tổng quan Phật giáo của Dự án. Có thể nói, trong danh mục khoảng 30 cuốn sách về Triết học Phật giáo mà Dự án Phật Học Tinh Hoa Thế Giới lựa chọn thì đây là cuốn sách quan trọng đầu tiên mà Dự án mong muốn giới thiệu. Cuốn sách dành cho những ai muốn nghiên cứu sâu về tư tưởng Phật giáo, cũng dành cho bạn đọc đại chúng muốn có những nắm bắt cơ bản và toàn diện nhất về chủ đề này. Chúng tôi kỳ vọng rằng cuốn sách sẽ góp phần trong việc cung cấp kiến thức nền tảng về Phật học cho quý tăng ni, nhà nghiên cứu, Phật Tử cũng như độc giả người Việt trong và ngoài nước.

Dù rằng chúng tôi đã cố gắng dịch chĩn chu, cẩn trọng qua một dịch giả, sư cô Diệu Như, và ba vòng hiệu đính bởi lần lượt là sư cô Tuệ Thảo, sư cô Như Hiếu và Thượng Tọa Thiện Chánh nhưng vẫn rất mong quý độc giả góp ý những sơ sót để chúng tôi kịp thời chỉnh sửa và tái bản lần sau được hoàn thiện hơn. Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng gửi về email của sư cô Như Hiếu: nhuhieu1906@gmail.com

Trân trọng cảm ơn Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam, cảm ơn các thành viên Dự án Phật Học Tinh Hoa Thế Giới và cảm ơn bạn đọc đang cầm trên tay cuốn sách này!

Hà Nội, Mùa an cư kiết hạ 2024

PHÁP CẦN

Giám đốc Dự án Phật Học Tinh Hoa Thế Giới

Tư tưởng Phật giáo

Tôi không biết ai giải thích hay hơn về triết học Ấn Độ hay Phật giáo... Mặc dù trên thị trường không thiếu những cuốn sách giới thiệu về Phật giáo, nhưng tôi thấy đây là một cuốn sách rất hấp dẫn... Vì vậy, tôi sẽ giới thiệu cuốn sách sinh động và đáng tin cậy này đến tất cả sinh viên và học viên của tôi.

RICHARD GOMBRICH,

Đại học Oxford, Vương quốc Anh

Đây là tác phẩm dễ hiểu và đáng tin cậy cho bất kỳ người học nào muốn tiếp cận những quan điểm cơ bản của tư tưởng tôn giáo và triết học Phật giáo cũng như một số nghiên cứu gần đây trong cùng lĩnh vực. Nó giúp người đọc hiểu biết phong phú hơn về các khái niệm chính yếu của tư tưởng Phật giáo Ấn Độ cổ điển từ thời Đức Phật cho đến những quan điểm gây tranh cãi trong học thuật đương đại. Với văn phong rõ ràng và lời cuốn của tác giả, các ý tưởng trừu tượng và phức tạp trở nên dễ hiểu hơn. Ấn bản lần thứ hai đã được cập nhật, đặc biệt là về Phật giáo Đại thừa và Phật giáo Mật tông – một chủ đề thường bị lãng quên và chỉ được hiểu một cách mơ hồ. Vì vậy, phần tham khảo chi tiết của cuốn sách đáng tin cậy này có các bài đọc thêm, các câu hỏi nghiên cứu, hướng dẫn phát âm và bảng chú giải thuật ngữ mở rộng, nhằm mục đích giúp người học phát triển kiến thức và lý giải tư tưởng Phật giáo.

Paul Williams là Giáo sư danh dự về triết học Ấn Độ và Tây Tạng tại Đại học Bristol, Vương quốc Anh. Trong số các cuốn sách của ông có *Nền tảng Phật giáo Đại thừa* (đã được dịch sang tiếng Việt).

Anthony Tribe là một chuyên gia về Phật giáo Mật tông Ấn Độ, từng giảng dạy trong chương trình Nghiên cứu châu Á Đại học Montana, Mỹ.

Alexander Wynne là trợ lý đồng Giám đốc của Dự án Dhammachai Tipitaka ở Wat Phra Dhammakāya, Thái Lan.

i. Wat (tiếng Thái) được mượn từ tiếng Phạn 'Vāṭa' có nghĩa là 'khuôn viên bao quanh', hoặc là khuôn viên linh thiêng của chùa, tịnh xá, đền... (ND)

Dành tặng Shad – một lần nữa, và dành tặng Rhea

Lời nói đầu

Cuốn sách này là bản hiệu đính hoàn chỉnh của ấn bản đầu tiên xuất bản năm 2000. Cuốn sách được chỉnh sửa nhờ sự phong phú, đa dạng của nền học thuật đương đại đã tiếp tục xuất hiện trên tất cả các lĩnh vực của Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo Đại thừa và Mật tông. Chúng tôi cũng đã bổ sung một số phụ lục còn thiếu trong ấn bản đầu tiên nhằm giúp người học phát triển sâu hơn trong nghiên cứu và nhận thức về tư tưởng Phật giáo.

Mục đích của cuốn sách này rất rõ ràng. Nó đóng vai trò như một hướng dẫn dễ tiếp cận và đáng tin cậy cho những người học muốn làm quen càng nhanh càng tốt với những khái niệm cơ bản của tư tưởng triết học và tôn giáo Phật giáo, cùng với kết quả của một số nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực này. Hiểu rõ về con đường phát triển của Phật giáo ở Ấn Độ là điều kiện tiên quyết để nhận thức chính xác về quan điểm Phật giáo ở những nơi khác như Tây Tạng, Trung Quốc, Nhật Bản cùng các quốc gia Đông Á khác.

Cuốn sách này trình bày một khảo sát toàn diện về tư tưởng Phật giáo, với nội dung được phân phối cân bằng giữa Phật giáo Ấn Độ căn bản, sơ khai và chính thống, góc nhìn của một số khuynh hướng triết lý, và cả chủ đề Phật giáo Mật tông vốn thường bị lãng quên và không được tìm hiểu đầy đủ. Sách cũng đóng vai trò như một dẫn nhập về Phật giáo, với điều kiện người đọc hiểu rằng mối quan tâm của tác giả chủ yếu là tư tưởng về triết học và tôn giáo; tức là quan tâm đến giáo lý. Tất nhiên một tôn giáo – chỗ dựa trọn đời của các tín đồ tôn giáo ở mọi cấp độ trong lịch sử và xã hội – không chỉ xoay quanh những chủ đề này, bất kể chúng quan trọng đến đâu. Nhưng có thể nói rằng nếu

không có nền tảng tốt về giáo lý đạo Phật thì người học rất khó đánh giá đúng đắn về những gì đang diễn ra trong cuộc sống thường nhật của bản thân các Phật tử.

Các tác giả của cuốn sách này đã có nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy Phật học cấp phổ thông và đại học ở Anh, Mỹ và châu Á. Họ cũng đã giảng dạy về tư tưởng Phật giáo tại các trung tâm dành cho người phương Tây quan tâm đến thực hành Phật giáo nhưng muốn có một nền tảng học thuật phù hợp và đúng đắn về giáo lý. Khi viết cuốn sách, họ chú trọng đến mối quan tâm cũng như khó khăn của những người học học này, cụ thể là những người học có nền tảng về tín ngưỡng, nghiên cứu tôn giáo và triết học, chứ không phải, chẳng hạn, nghiên cứu các ngôn ngữ châu Á. Các tác giả đã rất cố gắng để khiến những khái niệm đôi khi có vẻ trừu tượng và phức tạp trở nên dễ tiếp cận. Việc sử dụng các thuật ngữ chuyên môn trong các ngôn ngữ châu Á được hạn chế tối đa. Khi cần thiết, cả hai phiên bản tiếng Phạn và tiếng Pāli của các thuật ngữ đều được trình bày cẩn thận. Tuy nhiên, trừ phi có sự trái ngược, thuật ngữ chuyên môn sẽ viết bằng tiếng Phạn. Trong trường hợp cả hai thuật ngữ được đưa ra, tiếng Phạn thường được ưu tiên. Trong trường hợp ngoại lệ, khi đang thảo luận về một văn bản gốc bằng tiếng Pāli, thì thuật ngữ Pāli sẽ được đưa ra đầu tiên. Người đọc sẽ không gặp khó khăn để biết một thuật ngữ sử dụng ngôn ngữ nào.

Bởi cuốn sách này nhằm mục đích hướng dẫn người học nên một đặc điểm chính yếu là phân tài liệu tham khảo vô cùng đầy đủ. Mục đích là giúp người học biết nơi tìm kiếm tài liệu mà họ có thể quan tâm để nghiên cứu thêm. Chúng tôi đã cố gắng hết sức để liệt kê tất cả các tác phẩm được đề cập trong văn bản. Đặc biệt, các nguồn tài liệu gốc – các tác phẩm bằng tiếng Ấn Độ – đã được đưa vào để tham khảo cùng với các bản dịch đáng tin cậy nếu có, và cả những nơi có thể tìm các văn bản bằng tiếng Phạn, Pāli, Tây Tạng và Trung Quốc. Vì vậy, hy vọng cuốn sách sẽ có giá trị như một nguồn tài liệu nghiên cứu đối với những người đã quen thuộc với các ngôn ngữ này.

Tư tưởng chung xuyên suốt trong tác phẩm này là cách phân biệt căn bản của Phật tử giữa vẻ bề ngoài của vạn vật trước mắt người chưa giác ngộ và bản chất thực của chúng. Bản chất thực sự của vạn vật sẽ được thấu tỏ dưới con mắt của các Phật, là những vị đã giác ngộ, có nghĩa là, đã thức tỉnh để nhìn thấu sự thật. Chính sự khác biệt này đã khiến Phật giáo quan tâm sâu sắc đến các vấn đề bản thể luận, tức là những gì thực sự đang hiện hữu. Về cơ bản, đây là những vấn đề triết học. Sự am hiểu sâu sắc về triết học Phật giáo – việc hiểu vạn vật theo đúng bản chất thực sự của chúng – có những ý nghĩa mang tính chuyển hóa về tâm linh và đạo đức. Mặt khác, có những lĩnh vực thuộc tư tưởng Phật giáo được đề cập tương đối khiêm tốn hoặc không đề cập trong sách. Chẳng hạn, cuốn sách không bàn luận trực tiếp quá nhiều về đạo đức Phật giáo. Tư tưởng Phật giáo về vai trò và tiềm năng của phụ nữ, sinh thái học, hay chính trị thì hầu như không được bàn tới. Đối với điều này, chúng tôi không đưa ra lời biện minh. Nhưng sự chọn lọc là khó tránh. Đây là một dẫn nhập về tư tưởng Phật giáo ở Ấn Độ. Hiển nhiên nó phản ánh mối quan tâm của các tác giả. Paul Williams đã soạn thảo bản gốc từ chương 1 đến chương 6 cũng như các phần phụ lục và soạn thành phiên bản hoàn chỉnh. Đối với ấn bản lần thứ hai này, chương 1 và chương 2 được Alexander Wynne chỉnh sửa. Ông là một chuyên gia về các hình thức Phật giáo được đề cập trong các chương đó. Paul Williams đã chỉnh sửa chương 3-6. Chương về Phật giáo Mật tông (chương 7) được Anthony Tribe chỉnh sửa, và ông cũng là tác giả của chương này.

Đôi khi người ta cho rằng khó mà hiểu hết được một cuốn sách nếu chưa đọc nó đủ ba lần. Dù là toàn bộ cuốn sách, một chương hay một phần thì lần đọc đầu tiên hẳn phải khá nhanh. Lần đọc này nhằm khảo sát chủ đề và hiểu khái quát về bản chất và phạm vi của nó. Nó cho bạn thấy bạn đang đi đâu. Lần đọc thứ hai nên đọc chi tiết và ghi chú khi cần thiết. Lần đọc cuối cùng là để kiểm tra những điểm chưa rõ ràng, liên kết các chủ điểm, nhận biết một số điểm tinh tế và thực sự đi sâu vào tài liệu với tinh thần phản biện. Người học khi đã đọc kỹ

cuốn sách này sẽ hiểu rõ những tư tưởng trọng yếu của Phật giáo Ấn Độ. Họ sẽ có thể nắm vững ngôn ngữ và khái niệm thể hiện những tư tưởng đó và cũng sẽ tiếp cận với một số tư duy mới nhất của các học giả nghiên cứu về các chủ đề đã được giới thiệu. Sau đó, với phần tài liệu và website tham khảo được đề cập trong Phụ lục 1 cùng danh mục tài liệu tham khảo của cuốn sách, người học sẽ có đủ kiến thức và công cụ để khám phá thêm về thế giới Phật giáo phong phú, đầy kích thích và đầy thử thách.

PAUL WILLIAMS

Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo, Đại học Bristol

Lời cảm ơn

Những ai đã quen với lĩnh vực tư tưởng Phật giáo sẽ thấy rõ rằng cuốn sách này đã tham khảo rất nhiều công trình nghiên cứu của người khác. Đặc biệt, tôi (Paul Williams) muốn cảm ơn người đồng nghiệp Rupert Gethin – người đã góp ý tận tình và cho mượn những cuốn sách liên quan đến Phật giáo Thượng tọa bộ và chính thống mà ông rất am hiểu. Tôi thiết tha giới thiệu cuốn sách *The Foundations of Buddhism* (Nền tảng Phật giáo, 1998) của Rupert Gethin nếu các bạn muốn hiểu thêm về các lĩnh vực giáo lý và thực hành Phật giáo vốn phổ biến đối với hầu hết các truyền thống Phật giáo. Trong lần xuất bản đầu tiên của cuốn sách này, tôi cũng vui mừng gửi lời cảm ơn đến anh trai tôi là Peter Williams vì những lời nhận xét và động viên với ấn bản đầu tiên ở một vài chương đầu của cuốn sách đọc trên máy tính. Thời gian không thể xóa nhòa niềm cảm kích của tôi dành cho anh. Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn và tán dương các cộng sự Anthony Tribe và Alexander Wynne về những đóng góp cho cuốn sách này. Đây là điều đặc biệt đáng tự hào vì cả hai vốn là đồng môn của chúng tôi ở trung tâm Nghiên cứu Phật học tại Đại học Bristol trước khi hoàn thành chương trình tiến sĩ. Đồng thời, họ cũng đã công bố công trình riêng về Phật học.

Lập trường về giáo lý của Đức Phật

MỞ ĐẦU

Thuật ngữ ‘*Buddhism*’, cùng với các từ phái sinh như ‘*Buddhist*’ hiển nhiên là tiếng Anh. Chúng có các từ tương đương trong các ngôn ngữ châu Âu khác, như ‘*Buddhismus*’ và ‘*Bouddhisme*’. Đối với những người nói tiếng Anh (hoặc tiếng Đức, tiếng Pháp), chúng dùng để chỉ một ‘ism’ (đạo) phái sinh từ ‘*Buddha*’ (Đức Phật). Đức Phật (trong tiếng Phạn/Pāli nghĩa là Bậc tỉnh thức) được các tín đồ Phật giáo tôn xưng là Bậc đã hoàn toàn giác ngộ chân lý tối hậu của vạn vật, và vì vậy đã giải thoát cho bản thân vĩnh viễn khỏi mọi khổ đau. Với lòng từ bi vô lượng, Ngài cũng đã dạy cho chúng sinh con đường để tự mình giác ngộ. Các vị Phật không được sinh ra như các vị thần, và chắc chắn không thể xem họ là các vị thần bất tử. Xưa kia (cách đây nhiều kiếp) chư Phật cũng giống như chúng ta. Họ đã tự nỗ lực tu tập và trở thành Phật. Một vị Phật siêu việt hơn chúng ta vì đã ‘hiểu về vạn vật như chúng vốn là’. Chúng ta, mặt khác, thì vẫn đang đắm mình trong vô minh (tiếng Phạn: *avidyā*, Pāli: *avijjā*) nên luôn bất hạnh và khổ đau.

Việc sử dụng hậu tố ‘-ism’ trong ‘*Buddhism*’ của tiếng Anh có thể được hiểu là đang nói đến hệ thống thực hành, hiểu biết (‘tín ngưỡng’), kinh nghiệm, tâm nhìn... phái sinh hoặc được cho là phái sinh từ Đức Phật, được trải qua hay thể hiện tại bất kỳ thời điểm đơn lẻ nào cũng như xuyên suốt dòng chảy thời gian. Điều tối thiểu để trở thành Phật tử là đọc ‘quy y Tam Bảo’ ba lần theo phương thức thích hợp do truyền

thống Phật giáo quy định. Theo nghĩa rộng, ‘quy y Phật’ là việc lấy Đức Phật làm nơi nương tựa tinh thần rốt ráo, nơi an toàn tuyệt đối (và duy nhất). Ngài đã tuệ tri tường tận nhất có thể và chỉ dạy một cách toàn diện bản chất vạn vật nên đã tự thoát ly khỏi khổ đau và ngăn ngừa nguồn gốc của trạng thái mê lầm và hiểu biết sai lệch về thể bản chất thực của chúng. Thứ hai là ‘quy y Pháp’: Pháp nói về việc vạn vật thực sự ra sao cũng như cách lồng ghép sự hiểu biết về bản chất của vạn vật vào đời sống của chúng ta một cách sâu sắc nhất, theo những lời thuyết giảng của một vị Phật. Thứ ba là ‘quy y Tăng’. Tăng đoàn (Sangha) là đoàn thể những hành giả học và hiểu được Pháp bằng nhiều cách ở nhiều trình độ khác nhau.

Điều quan trọng ở trên là khái niệm thực hành Pháp phái sinh từ Đức Phật, và tiến đến việc thấy được vạn vật theo cách chúng thực sự đang là. Mặc dù niềm tin tất nhiên là điều kiện tiên quyết cho bất kỳ con đường tâm linh nào (các Phật tử không phủ nhận điều này), Phật tử thường đặt sự ưu tiên không phải là niềm tin mà là sự tu tập, đi theo một đạo tu hành, đồng thời tìm hiểu và tận mắt chứng kiến mọi thứ. Chỉ có niềm tin thì không mang lại hiệu quả thực sự. Trực tiếp ‘nhìn thấy vạn vật như chúng thực sự đang là’ như vậy được cho là sẽ giải thoát người nhìn khỏi những kinh nghiệm mà hầu hết mọi người đều muốn thoát khỏi. Đó là những trải nghiệm như đau đớn, thất vọng, khổ não, phiền muộn – những kinh nghiệm được các Phật tử đưa vào một phạm trù mang tính bao trùm trong tiếng Phạn là *duhkha* (Pāli: *dukkha*), tức là khổ, không viên mãn và không hoàn hảo. Vì vậy, bất kỳ ai được giải thoát thì cuối cùng chắc chắn thoát khỏi mọi kinh nghiệm không như ý. Vì thế, Phật giáo là một giáo lý cứu độ (soteriology). Nói cách khác, nó liên quan đến việc mang lại cho các hành giả sự giải thoát, sự tự do khỏi những trạng thái và kinh nghiệm được coi là tiêu cực, khó chịu và không như ý. Ngược lại, được giải thoát là một trạng thái tích cực, dễ chịu và đáng mong muốn. Do đó, định hướng quan trọng của Phật giáo là hướng tới kinh nghiệm mang tính chuyển hóa của cá nhân, vì không có kinh nghiệm nào không phải là kinh nghiệm

cá nhân. Như thế, mối quan tâm hàng đầu và quan trọng nhất của Phật giáo là về tâm trí, hay nói chính xác hơn là sự chuyển hóa tâm, bởi không kinh nghiệm nào không phụ thuộc vào tâm. Sự chuyển hóa tâm này hầu như luôn được cho là phụ thuộc vào và cuối cùng sẽ đạt được bởi bản thân người tu hành vì tâm không thể tự chuyển hóa nếu không có sự tham gia tích cực của bản thân. Phật giáo hiển nhiên trở thành con đường giải thoát có tính cá nhân cao. Con người luôn bị trói buộc bởi tâm của chính mình, và chính nhờ tu tâm mà người ta được giải thoát, từ đó đạt được trạng thái tâm linh cao nhất. Sự chuyển hóa này đưa con người từ trạng thái tinh thần mà Phật tử coi là tiêu cực sang trạng thái tích cực. Cụ thể, đó là sự chuyển hóa từ tham, sân, si và những hậu quả của chúng sang các mặt đối lập của ba trạng thái tiêu cực này – vô tham, từ bi và tuệ giác hoặc trí tuệ cùng với những hệ quả. Chính điều này mang lại sự giải thoát. Việc những trạng thái tiêu cực và tích cực này có ý nghĩa gì, dẫn đến điều gì, người ta sẽ hiểu ra điều gì khi ‘nhìn thấy vạn vật như chúng thực sự đang là’, cái ‘thấy’ nào là cần thiết và thấy như thế nào sẽ hình thành nên nội dung của Phật giáo.¹

Tôi đã bàn về ‘Phật giáo’ như một khái niệm mà người nói các ngôn ngữ châu Âu (hoặc ‘phương Tây’) coi là một ‘-ism’ bắt nguồn từ Đức Phật. Tuy chắc chắn không thể vừa theo Kitô giáo chính thống, vừa theo Hồi giáo hay Hindu giáo, nhưng ta hoàn toàn có thể vừa trở thành Phật tử vừa gửi gắm niềm tin và cúng dường cho các vị thần Hindu hoặc các vị thần bản địa khác trong văn hóa của mình. Đa số Phật tử đều làm như vậy. Lý do là trở thành Phật tử, theo Kitô giáo và theo Hồi giáo là ba việc khác nhau. Và nếu trở thành Phật tử và trở thành tín đồ Kitô là khác nhau thì Phật giáo và Kitô giáo với tư cách là ‘các tôn giáo’ cũng khác nhau. Richard Gombrich đã tóm tắt toàn bộ về Phật giáo như sau:

Đối với Phật tử, tôn giáo chỉ liên quan đến vấn đề hiểu và thực hành Pháp [tiếng Phạn: *Dharma*], là các hoạt động góp phần tạo thành bước tiến đến sự giải thoát. Họ quan niệm sự giải thoát (salvation, liberation), một thuật ngữ gắn liền với người Ấn Độ,

chính là sự đoạn tận hoàn toàn với tham, sân, si. Bất kỳ ai cũng có thể đạt được sự giải thoát và nó là điều tối hậu duy nhất đáng để đạt được vì đó là niềm hạnh phúc duy nhất không có tính tạm bợ. Một người đã giải thoát sẽ mãi sống như vậy miễn là cơ thể của họ còn được duy trì, nhưng sau đó không còn tái sinh. Vì vậy, họ sẽ không bao giờ phải đau khổ hay phải chết nữa. Đối với Phật tử, tôn giáo là những gì có liên quan đến sự truy cầu giải thoát này và chỉ vậy mà thôi.

(Gombrich 1988: 24)

Theo truyền thống, Phật tử trên khắp thế giới cho rằng vũ trụ có thể chứa nhiều chúng sinh hơn những gì con người thông thường nhìn thấy. Phật tử không phản đối sự tồn tại của các vị thần Hindu mặc dù hoàn toàn phủ nhận sự hiện hữu của một vị Thượng đế, chẳng hạn như Chúa trong Kitô giáo chính thống, được hiểu là vị thần sáng tạo toàn năng, toàn trí, toàn giác, và có thể được coi là một người theo một nghĩa nào đó. Tuy nhiên, khi là một Phật tử, người ta không thể quy y các vị thần Hindu vì các thần này không phải là những vị Phật đã giác ngộ, người nhìn thấy được bản chất thực sự và thực tại tối hậu của vạn vật. Đối với Phật tử, các vị thần Hindu không giống các vị Phật và cũng phải chịu khổ đau. Họ đã tái sinh thành các vị thần do những nghiệp thiện trong quá khứ (chúng ta cũng tái sinh làm người vì những nghiệp thiện tương tự); và họ cũng chết (giống như con người chúng ta), rồi được tái sinh ở nơi khác. Chính chúng ta có thể là các vị thần trong những kiếp sau và các Phật tử cho rằng chúng ta chắc chắn đã từng là các vị thần vô số lần ở vô số kiếp trước đây. Các vị thần có thể được tái sinh làm con người (hoặc tỳ hưu – vòng luân hồi bao gồm nhiều cõi như súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục...). Nhưng không gì trong số này cho thấy các vị thần Hindu không tồn tại.² Do đó, không có gì chứng tỏ các vị thần Hindu không thể sử dụng quyền năng tác động đến đời sống và các hoạt động của con người. Vậy nên sẽ không có vấn đề gì khi Phật tử cúng dường các vị thần Hindu để thỉnh cầu những đặc ân thỏa đáng.

Trong toàn bộ thế giới Phật giáo, có một cách rất đặc biệt để kết nối với các vị thần và cầu xin sự ưu ái của họ. Đó chính là thông qua

việc nhập hôn. Ở nhiều quốc gia Phật giáo (như Sri Lanka, Thái Lan, Miến Điện hoặc Tây Tạng) và cả những quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo (như Trung Quốc và Nhật Bản), có những người vừa là Phật tử vừa đi vào được một trạng thái xuất thân. Trong trạng thái xuất thân này, họ được một vị thần nhập vào và, chẳng hạn, có thể đưa ra lời khuyên hoặc cho phương thuốc. Những việc như vậy sẽ chỉ trở nên không phù hợp khi Phật tử quy y một vị thần, ngụ ý rằng vị thần đó có chìa khóa mở ra cánh cửa giải thoát cuối cùng. Các vị thần chỉ quan tâm đến thế gian (tiếng Phạn: *laukika*). Chư Phật là các bậc xuất thế gian (*lokuttara*), cả về trạng thái và những mối quan tâm rất ráo đến việc cứu độ chúng sinh của họ. Do đó, trong khi không ai mong đợi nhìn thấy một tín đồ Kitô giáo chính thống cúng dường, lễ bái và thỉnh cầu các vị thần Hindu, hoặc đi vào trạng thái xuất thân và bị nhập hôn, thì không có gì mâu thuẫn trong Phật giáo khi Phật tử làm như vậy. Trở thành Phật tử trong suy nghĩ của Phật tử khác với trở thành Kitô hữu trong suy nghĩ của Kitô hữu. Việc thực hành ngoại đạo được các tôn giáo chấp nhận ở mức độ khác nhau. Đây không phải là một điển hình về ‘chủ nghĩa hỗn dung trong Phật giáo’, hay ‘Phật giáo quần chúng’ hoặc thậm chí là ‘lòng từ bi của Phật giáo’. Không phải tất cả các tôn giáo đều vận hành theo cách chúng ta mong đợi trên cơ sở của một hoặc các tôn giáo mà chúng ta quen thuộc nhất. Lance Cousins đã nói:

Sẽ là sai khi nghĩ về Phật giáo thuần túy, vì Phật giáo vốn đã hòa trộn với các tôn giáo khác và thậm chí đã thoái hóa ở các dạng thức sau này. Thật vậy, Phật giáo thuần túy chưa từng tồn tại. Phật giáo luôn tồn tại song song với các tín ngưỡng và thực hành tôn giáo khác. Phật giáo thường không chú trọng về các hoạt động nghi lễ của con người bởi chúng không mang lại lợi ích gì cho con đường giải thoát tâm linh. Sức mạnh của Phật giáo có lẽ nằm ở chính sự không hoàn thiện này... [Các thực hành tín ngưỡng/tôn giáo này, chẳng hạn như việc kết nối với các vị thần địa phương, vẫn có thể được thực hiện miễn là mục tiêu chính không bị mất đi... [Chừng nào mục tiêu cứu độ, nghĩa là sự giải thoát, vẫn còn được quan tâm thì chúng] không có hại gì.

(Cousins 1998: 372)

Theo những gì chúng ta biết thì Phật giáo luôn như vậy. Không có giai đoạn nào trong quá khứ mà nó khác đi, hoặc kỳ vọng là khác đi. Vị vua vĩ đại theo Phật giáo của Ấn Độ Asoka (thế kỷ thứ ba trước Tây lịch) đã cúng dường các bậc đạo sư ngoại đạo và các tôn giáo không phải là Phật giáo. Rõ ràng ông cũng đã cúng dường các vị thần ngoài Phật giáo.³ Khi các gia chủ thời xưa gặp gỡ, tin tưởng, yêu mến Đức Phật và ‘quy y’ Ngài, chúng ta không nên nghĩ rằng vì vậy mà họ đã hoàn toàn dừng việc cúng dường cho các đạo sư hoặc thần thánh khác. Do đó, trong cộng đồng làng xã của mình, họ vừa là ‘người theo đạo Hindu’ vừa là ‘Phật tử’ (nếu người ta phải sử dụng các phân loại phương Tây hiện đại này). Nhưng nếu thật sự thấy Đức Phật đã giác ngộ, và chấp nhận rằng giáo lý của Ngài khác với giáo lý của các đạo sư ngoại đạo, thì họ sẽ không quy y những vị đạo sư đó như là cội nguồn của sự thật và sự giải thoát cuối cùng. Họ có thể sẽ nghĩ về Đức Phật như vị thầy đặc biệt của mình, người mà họ đặt trọn niềm tin ở giai đoạn cuối đời, người mà họ muốn là người giúp đỡ mình nhất khi lâm chung.

NỀN TẢNG GIÁO LÝ BÀ LA MÔN

Trong phần trích dẫn phía trên của Richard Gombrich, chúng ta thấy theo quan điểm của Phật giáo thì ‘tôn giáo là con đường dẫn đến sự giải thoát’. Mặt khác, chúng ta có thể nghĩ rằng việc cúng dường cho các vị thần Hindu, bất kể họ có đáng để nương tựa hay không, vẫn là ‘tôn giáo’. Nhưng tất nhiên ‘tôn giáo’ cụ thể mà Gombrich muốn nói (hoặc được người Singhala cung cấp thông tin) ở đây là Phật giáo. ‘Tôn giáo’ là Phật giáo, và đối với các Phật tử thì Phật giáo có đặc trưng là sự cứu độ, giải thoát. Từ mà Gombrich dịch là ‘tôn giáo’ ở trên là *sāsana*, giáo lý, là từ được sử dụng trong một số truyền thống, chẳng hạn như truyền thống Phật giáo *Theravāda* của Sri Lanka, để đề cập đến ‘Phật giáo không chỉ như một học thuyết mà còn là một hiện tượng trong lịch sử, một tôn giáo trọn vẹn’ (Gombrich 1988: 3). Là một tôn giáo trong lịch sử, Phật giáo được sáng lập ở Ấn Độ cổ đại; nhưng ngay cả khi đây là sự thật lịch sử đã được ghi rõ thì các tín đồ Phật giáo vẫn cho

rằng rốt cuộc chính Phật giáo cũng sẽ biến mất do sự tác động của các thế lực phi tôn giáo. Trên thực tế, đến thế kỷ 13 Tây lịch thì Phật giáo đã không còn tồn tại trên quê hương Ấn Độ mặc dù vào thời điểm đó, tôn giáo này đã lan sang Tây Tạng, Trung Quốc, Nhật Bản và Đông Nam Á. Nhưng sau cùng thì Phật giáo sẽ biến mất trên thế gian này. Tuy nhiên, vào một thời điểm nào đó trong tương lai, một hệ thống giáo lý sẽ lại được thành lập bởi một vị Phật khác, bởi quả thực sự thành lập của tôn giáo này ở Ấn Độ xung quanh thời điểm đó là một sự tái lập. Và mọi thứ cứ tiếp tục như thế cho đến vô cùng.

Mỗi khi có giáo lý được thiết lập thì đó đều là một sự tái lập, nhưng chính xác thì cái gì được tái lập? Câu trả lời là Pháp. Đây là một thuật ngữ, đôi khi được các tín đồ Phật giáo sử dụng để chỉ thứ mà phương Tây gọi là 'Phật giáo'. Nhưng tất nhiên Pháp không thể được gọi là Phật giáo như một tôn giáo hoàn chỉnh vì ta đã thấy rằng Pháp chỉ là nơi nương tựa thứ hai trong Tam quy y của Phật tử, bên cạnh Đức Phật và Tăng đoàn. Phật giáo với tư cách là một tôn giáo phải bao gồm cả Tam quy y. Thay vào đó, Pháp là nội dung của Phật giáo, nghĩa là những gì thực sự được thuyết giảng trong tôn giáo này. Nó bao gồm các sự thật, về cả bản chất thực của vạn vật và con đường tu hành để liễu tri được bản chất đó. Được trình bày rõ ràng trong giáo lý, Pháp bao gồm những lời dạy của Đức Phật, và vì thế bao gồm lời dạy của Phật giáo. Trọng tâm của Phật giáo sẽ nói về việc một số thứ là thực sự đúng. Chẳng hạn, Phật tử khẳng định rằng hầu hết mọi vật đều là một phần của một dòng chảy nhân quả, và vật chất không phải là Ngã (ātman; xem phần sau) thực sự của con người theo bất kỳ nghĩa nào. Phật tử cũng khẳng định rằng trạng thái không giác ngộ rốt cuộc là khổ (*duḥkha*), tức là trạng thái không thỏa mãn, bất như ý, và không có vị thần sáng tạo toàn năng, toàn trí, toàn thiện nào tồn tại từ ban sơ mà xét khía cạnh nào đó có thể được coi là con người. Việc những thực hành nhất định thực sự mang lại kết quả mà chúng nói rằng sẽ mang lại – ví dụ, nếu thực hành Bát chánh đạo mà Đức Phật đã dạy với sự kính tín nhất tâm thì cuối cùng sẽ dẫn đến sự giải thoát (tiếng Phạn:

nirvāṇa, Pāli: *nibbāna*) – cũng là cốt lõi của Phật giáo. Đây là những sự thật khách quan, vì là sự thật nên chúng luôn đúng, và tính đúng đắn của chúng hoàn toàn độc lập với sự tồn tại của chư Phật và rõ ràng là với bất cứ chúng sinh nào có khả năng nhận ra các sự thật ấy. Chúng tạo thành Pháp, nội dung những lời dạy của Đức Phật. Phật giáo được xây dựng dựa trên tính khách quan tuyệt đối của sự thật, và Phật tử cho rằng Pháp (Pháp của các Phật tử) là sự thật khách quan tuyệt đối đó. Trưởng lão Nārada đã nói:

Thuật ngữ gốc tiếng Pāli để chỉ Phật giáo là *Dhamma*... Dhamma là bản chất thực sự của mọi thứ. Đây là một giáo lý về hiện thực. Nó là phương tiện giải thoát khỏi đau khổ và cũng chính là sự giải thoát. Bất kể chư Phật có ra đời hay không thì Dhamma vẫn tồn tại từ muôn thuở. Chính các vị Phật là người nhận ra Dhamma, thứ luôn bị che khuất bởi đôi mắt si mê của con người, cho đến khi Ngài, một đấng giác ngộ, xuất hiện và từ bi hiển bày nó với thế gian.

(Nārada 1980: 162)

Từ ‘Dharma’ (Pháp) là một từ quan trọng trong bối cảnh văn hóa Ấn Độ mà từ đó Phật giáo ra đời. Khi sử dụng từ ‘Pháp’ để chỉ giáo lý của mình, Đức Phật đã cố tình chọn một thuật ngữ nhằm chỉ cho người khác thấy rằng Ngài thực sự biết và đã dạy về bản chất rốt ráo của vạn vật. Khi họ không đồng ý với lời dạy của Đức Phật, họ sẽ không có Pháp. Khi đó, cái mà họ giảng dạy là phi pháp, *Adharma*. Hãy cùng xem xét kỹ lưỡng hơn bối cảnh ở Ấn Độ mà từ đó các giáo lý, hay Pháp của Đức Phật ra đời.

Đầu tiên, cần lưu ý đến các thuật ngữ ‘*Brahmanism*’ và ‘*brahmanic(al)*’ được sử dụng ở đây và trong các tác phẩm của các học giả khác khi viết về tôn giáo Ấn Độ thời kỳ đầu. Chúng ta vẫn thấy người ta thường gọi Đức Phật là một ‘nhà cải cách Hindu giáo’. Điều này là sai. Bằng cách trực tiếp, gián tiếp hoặc thông qua ý thức hệ, Đức Phật đã bác bỏ thẩm quyền tôn giáo cuối cùng của tầng lớp xã hội Bà la môn và kinh điển cổ xưa của họ, kinh Vệ đà, bộ kinh rất quan trọng của Hindu giáo xuyên suốt lịch sử. Và phần lớn những gì ngày nay chúng ta gọi là Hindu giáo, chẳng hạn như

tính trọng tâm của các vị thần Śiva, hoặc Viṣṇu, những quan điểm về học thuyết Advaita Vedānta (trường phái của Hindu giáo) của Śaṃkara, các chủ đề về Chí Tôn Ca, các thực hành Mật tông... đều phát triển sau thời Đức Phật. Không có gì giống với loại hình Hindu giáo đang được thực hành ở Ấn Độ tồn tại vào thời của Đức Phật. Một số đặc điểm nói trên của Hindu giáo hẳn đã chịu ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực từ chính Phật giáo. Trong các kinh sách Phật giáo sơ khai, các thực hành tôn giáo và tín ngưỡng có mặt vào thời Đức Phật được gắn với hai nhóm tu tập rộng lớn gồm các hành giả về cơ bản có lối tu hoàn toàn khác nhau. Một nhóm là các *brāhmaṇa*, các Bà la môn. Nhóm còn lại là các *śramaṇa* (Pāli: *samaṇas*), các Sa môn, những người từ bỏ đời sống thế tục, hay ‘người xuất gia’. Tôn giáo của người Bà la môn trước hết là tôn giáo của những người tại gia, là tôn giáo của dân làng xét trên khía cạnh nguồn gốc và lợi ích, và là một tập hợp các thực hành tôn giáo gắn với ưu tiên hàng đầu là các mối quan hệ xã hội trật tự hài hòa và ‘sự thịnh vượng trong đời này và đời sau’. Nó được phát triển từ những quan điểm và thực hành tôn giáo của nhóm người Ārya du mục nói ngôn ngữ Ấn-Âu. Họ đến Ấn Độ vào khoảng thiên niên kỷ thứ hai trước Tây lịch từ quê hương được cho là ở thảo nguyên miền nam nước Nga gần Biển Caspi. Người Ārya mang theo những cỗ xe ngựa, một dạng tiếng Phạn sơ khai, và có lẽ, xung quanh khoảng thời gian họ đến Ấn Độ, là cả *Lê câu Vệ đà*, văn bản tôn giáo Ấn Độ sơ khai nhất (bản truyền miệng và chưa viết thành văn bản). Trải qua nhiều thế kỷ, kinh điển Vệ đà đã mở rộng (vẫn chưa được viết ra), và cuối cùng trở thành bốn bộ vào thời Đức Phật: *Lê câu Vệ đà*, *Sa ma Vệ đà*, *Dạ nhu Vệ đà* và *A thát bà Vệ đà* (xuất hiện muộn hơn một chút so với những bộ khác). Mỗi bộ Vệ đà này được chia thành Bản tập (*saṃhitā*), Phạm thư (*brāhmaṇas* – không nên nhầm lẫn với cùng một từ khi được sử dụng cho các Bà la môn), Sâm lâm thư (*āraṇyakas*), và cuối cùng là Áo nghĩa thư (*upaniṣads*), là các cuốn sách quan trọng trong Phật giáo, ghi chép và giải thích các khía cạnh mang tính bí truyền và triết lý của tư tưởng Bà la môn. Tôn giáo Vệ đà này chủ yếu dựa vào lễ vật hiến tế, và các phạm thư đã hướng dẫn chi tiết về việc thực hiện các nghi thức tế lễ vốn ngày càng phức tạp hơn qua nhiều thế kỷ. Lúc đầu,

người ta thực hiện các lễ hiến tế bằng cách dâng lễ vật lên các vị thần Vệ đà khác nhau như thần Indra – thường được biết đến trong các nguồn tư liệu Phật giáo là Śakra (Pāli: *Sakka*), thần Varuṇa, thần lửa Agni, hay thần Mặt trời Sūrya, với hy vọng các vị thần sẽ đáp lại. Dần dần, từ đó phát triển cảm giác rằng các vị thần buộc phải đáp lại, bởi một lễ hiến tế được thực hiện đúng cách với việc các chú nguyện (*mantra*) là những lời khẩn cầu được đọc chính xác thì nhất định phải có tương thưởng thích đáng. Cũng giống như chính vũ trụ này xuất phát từ một lễ hiến tế nguyên thủy (xem ‘Thánh ca cho Đấng Tối thượng’ nổi tiếng, *Puruṣasūkta*, *Lê câu Vệ đà 10: 90*), nhờ hiến tế mà vũ trụ vẫn tiếp diễn. Hiến tế là hành động tối cao, ‘hành động quan trọng’, hay nghiệp (*karma* hay *karman*; tiếng Phạn cổ chỉ đơn giản có nghĩa là ‘hành động’). Từ việc thực hiện một nghĩa vụ, hay một nghiệp phù hợp với địa vị trong lễ nghi và xã hội của một người, kết quả (*phala*) của hành động nhất thiết phải theo sau, trong kiếp này hoặc kiếp sau. Nhưng làm thế nào mà hành động quan trọng lại dẫn đến kết quả? Thứ nhất, trong Sâm lâm thư, và tiếp đến là phần lớn trong Áo nghĩa thư, chúng ta tìm thấy suy luận về ý nghĩa của các lễ hiến tế và việc xây dựng lối lý giải bí truyền mà Áo nghĩa thư tập hợp lại thành một giáo lý cứu độ thế tục khác. Hành động diễn ra ở đây trong không gian của lễ hiến tế được coi là một mô hình thu nhỏ, tương ứng (và tương đồng) một cách màu nhiệm với các hành động, sự kiện mà người dâng vật hiến tế mong muốn xảy ra trong thế giới vĩ mô. Lối lý giải bí truyền là một loạt những sự đồng nhất hóa màu nhiệm mà hiểu biết về chúng sẽ mang lại quyền năng cho thứ được mô phỏng. Và điều được rút ra cuối cùng là, sự đồng nhất hóa quan trọng nhất, sự đồng nhất hóa được nêu trong Áo nghĩa thư vẫn xuôi cổ xưa hơn, là sự đồng nhất hóa có quy mô lớn nhất theo nghĩa đen. Thứ là cốt lõi của vũ trụ, không thay đổi ngay cả khi vạn vật – ‘các mùa và năm’ – đều thay đổi, đó là *brahman* (từ gốc là quyền lực thần họcⁱ), hay Yếu tính Vũ trụ (Universal

i. Quyền lực thần học (Priestly power) thường liên quan đến sự ảnh hưởng và thân lực của các nhà tu sĩ, giáo sĩ hoặc linh mục trong một tôn giáo hoặc đoàn thể tôn giáo. Cụ thể, ‘priestly power’ thường ám chỉ thân lực trong việc thực hiện các nghi lễ tôn thờ, truyền đạt thông điệp tôn giáo. (ND)